

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ - ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đại Thị T, sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã Bg, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Khu 3 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 01 thành phố Hà Nội (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị M, sinh năm 1960 (mẹ anh C có mặt)

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (bố anh C vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Chiến: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1960
Địa chỉ cư trú: Đều ở thôn P, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đại Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C ngày 28/3/2008 trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, sau khi cưới chị về ở chung với gia đình anh C tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Tháng 7/2008 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh C chơi bời, nghiện ma túy, năm 2008 anh C bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc, năm 2009 chấp hành án xong về địa phương. Năm 2011 anh C bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời gian anh đi chấp hành án chị có lên thăm khi về nhà bố mẹ chồng đuổi chị nên chị về mẹ đẻ ở từ tháng 4/2012. Năm 2014 anh C gọi chị về đoàn tụ sau đó anh lại bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Năm 2015 anh C chấp hành xong về địa phương vợ chồng chung sống nhưng không có tình cảm, vì anh không thay đổi tính cách vẫn chơi bời, không quan tâm đến vợ con và đánh chị nhiều lần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 3/2018 anh C bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử phạt 07 năm tù về tội cướp tài sản nay đang chấp hành án tại trại giam số 01 thành phố Hà Nội. Chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 7/2017 nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh C.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2018 tại Trại giam số 01 thành phố Hà Nội anh C trình bày: Anh thừa nhận chị T trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian anh bị Tòa án xét xử về hành vi phạm tội của mình và thời gian vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình chung sống anh và chị T không có mâu thuẫn gì, ngày 02/5/2013 chị T đến Trại giam Vĩnh Quang thăm anh sau đó chị bỏ đi, ngày 28/02/2014 anh chấp hành án xong về nhà chị T vẫn chưa về, sau chị T có xin lỗi anh và gia đình nên vợ chồng lại đoàn tụ được một thời gian. Việc chị T nói anh chơi bời đánh đuổi chị là không đúng, anh thừa nhận có nghiện ma túy từ năm 2008, nhưng năm 2012 anh đã tự cai được nay không nghiện nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh đồng ý, anh đang chấp hành án tại Trại giam số 01 thành phố Hà Nội nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị T, anh C có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/7/2008 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh 28/7/2010. Hiện nay hai cháu đang ở với bố mẹ anh C là bà Vũ Thị M, ông Nguyễn Văn C, ly hôn chị T xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin nuôi cháu Tuyết còn cháu Tùng để cho anh C và bố mẹ anh nuôi.

Anh C xin nuôi hai con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh đang chấp đi hành án nên nhờ bố mẹ thay anh chăm sóc hai con.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T thừa nhận chị và anh C có 01 chiếc tủ đựng quần áo, 01 bình nóng lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lọc nước, 01 chiếc xe máy, 01 tủ lạnh, 01 bếp ga + bình số tài sản trên hiện để ở gia đình anh C, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C khai: Tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác vợ chồng không có gì ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay tài sản gì.

Chị T khai: Tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị M trình bày: Bà là mẹ của anh Nguyễn Văn C, bà xây dựng gia đình cho anh C ngày 26/02/2008 (AL) trước khi cưới anh chị có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Cưới xong chị T về làm dâu ở chung với gia đình bà khoảng 01 tháng thì anh chị ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà, bà thấy anh chị sống với nhau tình cảm không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian chị T ở cùng gia đình bà chị có bỏ đi khi cháu Tùng được 11 tháng tuổi, đến khi chị T mang thai cháu thứ hai lại bỏ đi 09 ngày và đi đâu bà không biết. Anh C có đánh bạc, có nghiện ma túy nên đã bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt tù, khi anh C đi tù được hơn 01 năm thì giữa ông Nguyễn Văn C (chồng bà) và chị T xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ đi khoảng 01 năm 01 tháng sau lại về xin lỗi gia đình bà. Năm 2018 anh C bị Tòa án huyện Sóc Sơn xử phạt 07 năm tù về tội gì bà không nhớ, nay anh đang chấp hành án tại trại giam H, thành phố Hà Nội. Nay chị T xin ly hôn anh C bà không đồng ý, đề nghị Tòa án để khi nào anh C đi chấp hành án về thì giải quyết việc ly hôn của anh C và chị T.

Về con chung: Chị T, anh C có hai con chung như chị T trình bày là đúng hiện nay hai cháu đang ở với gia đình bà. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh C gia đình bà xin được nuôi hai cháu, vì các cháu ở với gia đình bà từ nhỏ mặt khác để

cho các cháu có anh có em, gia đình bà đủ điều kiện để nuôi hai cháu không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T, anh C có 01 tủ đựng quần áo, 01 bình nóng lạnh, 01 máy giặt, 01 máy lọc nước, 01 chiếc xe máy, 01 tủ lạnh, 01 bếp ga + bình số tài sản trên để ở gia đình bà ly hôn do anh chị quyết định bà không có ý kiến gì.

Về công sức: Chị T ở chung với gia đình bà khoảng hơn 02 năm trong thời gian này không cùng gia đình mua sắm kiến thiết gì. Chị T không vay nợ gì gia đình bà. Đất canh tác của anh C có 1,6 sào hiện nay gia đình bà đang quản lý.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Đại Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho chị Đại Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh 28/7/2010. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị T anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Đại Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Văn C theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh C đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 chị Đại Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn C trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, trong quá trình chung sống do anh C chơi bời, nghiện ma túy không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác anh C còn sa vào các tệ nạn xã hội, nhiều lần vi phạm pháp luật nên năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, năm 2011 bị xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, năm 2014 bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tháng 03 năm 2018 anh C lại bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, hiện nay đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 01 thành phố Hà Nội, từ đó chị T chán nản nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị T, anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thị Ánh T, hiện nay hai cháu đang ở với bố mẹ anh C là ông C, bà M. Ly hôn chị T xin nuôi cả hai con nhưng anh C và bố mẹ anh C không đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thị Ánh T cho chị T nuôi nguyện vọng của các cháu xin ở với anh C và ông bà nội. Xét điều kiện nuôi con của hai bên thấy hiện nay anh C đang chấp hành án phạt tù tại trại giam số 01 thành phố Hà Nội thời gian là 07 năm nên anh C không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Tùng, cháu Tuyết. Xác minh tại địa phương cho biết gia đình anh C điều kiện kinh tế khó khăn, nếu để hai cháu cho bố mẹ anh C nuôi thì không đảm bảo được cuộc sống và việc học hành của các cháu, còn chị T là người lao động bình thường có thu nhập ổn định. Tại phiên tòa chị T xác định chị có đủ khả năng để nuôi hai con, vì hiện nay chị đang làm mộc tại thị trấn Yên Lạc thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ/tháng, mặt khác cháu Tuyết, cháu Tùng còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thị Ánh T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đại Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Đại Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn C, bà Vũ Thị M, ông Nguyễn Văn C phải giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh 28/7/2010 cho chị Đại Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Đại Thị T, anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đại Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003795 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình